Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh Quý 3/2026 – MWG

HOSE · MWG · CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động

LNST CỔ ĐÔNG MẸ · Q3	DOANH THU THUẦN · Q3	LNST CỔ ĐÔNG MẸ · 9T	DOANH THU THUẦN · 9T
3.094	52.614	9.111	147.827
tỷ đồng · +74,7%	tỷ đồng · +32,0%	tỷ đồng · +83,5%	tỷ đồng · +30,1%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2026

Lợi nhuận tăng nhanh hơn doanh thu nhờ biên lợi nhuận gộp mở rộng: doanh thu thuần Quý 3 đạt **52.614 tỷ đồng (+32,0%)** và lợi nhuận sau thuế hợp nhất **3.521 tỷ (+97,4%)**. Biên lợi nhuận gộp lên 21,7% từ 18,8% cùng kỳ, trong khi chi phí bán hàng và quản lý trên doanh thu đi ngang ở 15,0%. **TCBS Research giữ đánh giá khả quan với kết quả kinh doanh năm 2026 của MWG, dựa trên biên lợi nhuận gộp mở rộng ở cả hai lĩnh vực trong khi chi phí vận hành đi ngang, và Quý 4 là mùa cao điểm; nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.**

LNST cổ đông công ty mẹ theo quý · *tỷ đồng*



TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM



** Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 9 tháng 9.634 tỷ so với kế hoạch cả năm 9.200 tỷ. Doanh thu 9 tháng đạt 80% kế hoạch 185.000 tỷ.*

ĐIỂM NHẤN

21,6% — BIÊN LỢI NHUẬN GỘP · 9T
Biên lợi nhuận gộp mở rộng ở cả hai lĩnh vực
từ 19,6% cùng kỳ · điện thoại và điện tử lên 20,0% từ 17,4%

+30% — DOANH THU CÙNG CỬA HÀNG
Nhóm Điện Máy Xanh tăng từ cửa hàng hiện hữu
Bách Hóa Xanh tăng 34%, tiếp tục mở cửa hàng

35.261 — TỶ · TIỀN RÒNG
Tiền gửi vượt xa nợ vay
tiền và tiền gửi 63.035 tỷ so với nợ vay 27.774 tỷ · không còn nợ vay dài hạn

CẦN THEO DÕI

Q4 — ĐỘNG LỰC TỪ CHU KỲ SẢN PHẨM
Tăng trưởng gắn với một chu kỳ sản phẩm
động lực Quý 4 là sản phẩm Apple gập mới và mùa cao điểm · nền so sánh 2027 sẽ cao

−0,5 — ĐIỂM % · BIÊN GỘP SO VỚI QUÝ 2
Biên lợi nhuận gộp đã lùi khỏi đỉnh Quý 2
từ 22,2% xuống 21,7% · tồn kho tăng 13,5% trong quý, nhanh hơn doanh thu tăng 7,9%

25,7% — LÃI TIỀN GỬI TRÊN LỢI NHUẬN
Một phần tư lợi nhuận đến từ lãi tiền gửi
doanh thu hoạt động tài chính 9 tháng 2.978 tỷ · nhạy với mặt bằng lãi suất

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3/2026 của MWG (phê duyệt 28/10/2026) và bản tin cập nhật kinh doanh 9 tháng do MWG công bố.

TRIỂN VỌNG QUÝ 4/2026

Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt **9.634 tỷ đồng**, vượt 4,7% kế hoạch cả năm. **TCBS Research ước tính lợi nhuận sau thuế cổ đông mẹ 2026 khoảng 11.175 tỷ đồng (+58,9%)**, tương ứng EPS dự phóng 7.573 đồng và **P/E dự phóng khoảng 9,6 lần**. Quý 4 là mùa cao điểm, có thêm chu kỳ sản phẩm Apple mới.

LNST CỔ ĐÔNG MẸ 2026F	EPS 2026F	KẾ HOẠCH LNST 2026	MỤC TIÊU DOANH THU CẢ NĂM
11.175	7.573	9.200	+30%
tỷ đồng · P/E 2026 là 9,6x	đồng/cp · 9T đã đạt 6.196	tỷ đồng · thực hiện 9T: 105%	Quý 4 cần khoảng 54.900 tỷ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 02/11/2026

GIÁ · ĐỒNG	VỐN HÓA · TỶ Đ	P/E · LẦN	P/B · LẦN	SH NƯỚC NGOÀI	SLCP · TRIỆU
72.400	106.840	9,6	2,3	49,0%	1.475,7

1. Đánh giá của TCBS Research

Kết quả Quý 3, tiến độ kế hoạch năm và tác động của việc Điện Máy Xanh chào bán cổ phần

Quý 3/2026, Thế Giới Di Động đạt **doanh thu thuần 52.614 tỷ đồng (+32,0% so với cùng kỳ)** và **lợi nhuận sau thuế hợp nhất 3.521 tỷ (+97,4%)**. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 147.827 tỷ (+30,1%) và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 9.634 tỷ (+93,1%), tương đương **80% kế hoạch doanh thu và 105% kế hoạch lợi nhuận** cả năm 2026.

Lợi nhuận tăng gần gấp đôi trong khi doanh thu chỉ tăng một phần ba; chênh lệch nằm ở biên lợi nhuận gộp, 21,7% so với 18,8% cùng kỳ. Theo doanh nghiệp công bố, nhóm Điện Máy Xanh tăng trưởng từ hiệu suất cửa hàng hiện hữu với doanh thu trên cùng cửa hàng tăng 30%, còn Bách Hóa Xanh tiếp tục mở rộng mạng lưới; tổng số điểm bán toàn tập đoàn là 7.777.

KẾT QUẢ QUÝ 3/2026 VÀ LŨY KẾ 9 THÁNG

DOANH THU THUẦN · Q3	LỢI NHUẬN GỘP · Q3	LNST HỢP NHẤT · Q3
52.614	**11.421**	**3.521**
tỷ đồng · +32,0% so với cùng kỳ	tỷ đồng · +52,7%	tỷ đồng · +97,4%

DOANH THU THUẦN · 9T	LỢI NHUẬN GỘP · 9T	LNST HỢP NHẤT · 9T
147.827	**31.941**	**9.634**
tỷ đồng · +30,1%	tỷ đồng · +43,6%	tỷ đồng · +93,1%

ĐIỂM CHÍNH

01 **Lợi nhuận 9 tháng đã vượt kế hoạch cả năm** — lợi nhuận sau thuế hợp nhất 9.634 tỷ so với kế hoạch 9.200 tỷ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong khi doanh thu mới đạt 80% kế hoạch 185.000 tỷ. Quý 4 là mùa cao điểm, có thêm chu kỳ sản phẩm Apple mới; doanh nghiệp đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu cả năm 30%.

02 **Một phần lợi nhuận đã chuyển sang cổ đông bên ngoài** — sau khi Điện Máy Xanh chào bán cổ phần ra công chúng, phần lợi nhuận thuộc cổ đông không kiểm soát trong Quý 3 là 427 tỷ so với 13 tỷ cùng kỳ, và lũy kế 9 tháng là 522 tỷ so với 24 tỷ. Vì vậy lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trong Quý 3 đạt 3.094 tỷ, thấp hơn mức 3.303 tỷ của Quý 2 dù lợi nhuận hợp nhất vẫn tăng.

03 **Các chuỗi đều tăng trưởng** — theo bản tin doanh nghiệp, nhóm Điện Máy Xanh đạt doanh thu 9 tháng gần 99,2 nghìn tỷ (+29%), Bách Hóa Xanh đạt 45,9 nghìn tỷ (+34%) với nhóm cửa hàng mở mới trong năm 2026 đã có lợi nhuận hoạt động dương ở cấp độ cửa hàng, Erablue đạt 4.635 tỷ và mở thêm 156 cửa hàng, còn An Khang tăng 22%.

04 **Bảng cân đối có lượng tiền ròng lớn** — tiền và tiền gửi các kỳ hạn đạt 63.035 tỷ so với nợ vay 27.774 tỷ, tức tiền ròng 35.261 tỷ. Doanh nghiệp không còn nợ vay dài hạn, và đợt chào bán cổ phần của Điện Máy Xanh mang về 13.235 tỷ trong kỳ.

2. Kết quả kinh doanh Quý 3/2026

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 và lũy kế 9 tháng

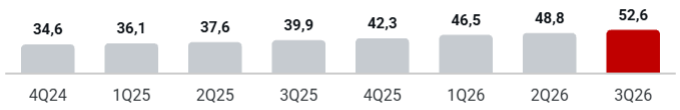
Cả ba cấp lợi nhuận đều tăng nhanh hơn doanh thu: lợi nhuận gộp tăng 52,7% và lợi nhuận trước thuế tăng 95,1%, so với doanh thu tăng 32,0%. Ngoài biên gộp, lợi nhuận trước thuế còn được hỗ trợ bởi doanh thu tài chính tăng thêm 353 tỷ và chi phí quản lý giảm 11,4%.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3/2026	Q3/2025	%YoY	9T/2026	9T/2025	%YoY
Doanh thu thuần	**52.614**	**39.853**	**+32,0**	**147.827**	**113.607**	**+30,1**
Giá vốn hàng bán	(41.192)	(32.374)	+27,2	(115.886)	(91.360)	+26,8
Lợi nhuận gộp	**11.421**	**7.478**	**+52,7**	**31.941**	**22.247**	**+43,6**
Biên lợi nhuận gộp (%)	21,7	18,8	+2,9 điểm %	21,6	19,6	+2,0 điểm %
Doanh thu hoạt động tài chính	1.162	809	+43,7	2.978	2.271	+31,1
Chi phí lãi vay	(456)	(388)	+17,6	(1.308)	(1.086)	+20,4
Chi phí bán hàng & QLDN	(7.879)	(5.690)	+38,5	(21.986)	(17.213)	+27,7
Lợi nhuận trước thuế	**4.239**	**2.172**	**+95,1**	**11.600**	**6.135**	**+89,1**
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	**3.521**	**1.784**	**+97,4**	**9.634**	**4.989**	**+93,1**
— cổ đông công ty mẹ	3.094	1.771	+74,7	9.111	4.965	+83,5
— cổ đông không kiểm soát	427	13	n.m.	522	24	n.m.
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.099	1.198	+75,2	6.196	3.374	+83,6

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 3/2026 của MWG, chưa kiểm toán.

Doanh thu thuần theo quý

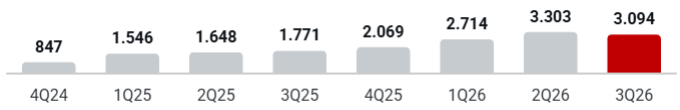
Nghìn tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất MWG, TCBS Research

LNST cổ đông công ty mẹ theo quý

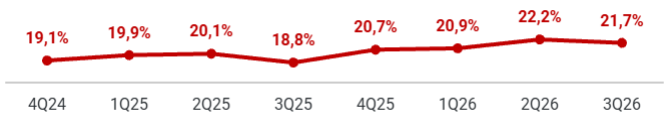
Tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất MWG, TCBS Research

Biên lợi nhuận gộp theo quý

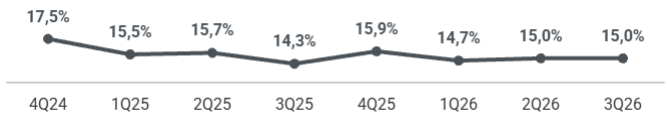
%



Nguồn: BCTC hợp nhất MWG, TCBS Research

Chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu

%



Nguồn: BCTC hợp nhất MWG, TCBS Research

3. Phân tích các chỉ số tài chính

Kết quả theo lĩnh vực kinh doanh, bảng cân đối, dòng tiền và định giá

3.1. Kết quả theo lĩnh vực kinh doanh

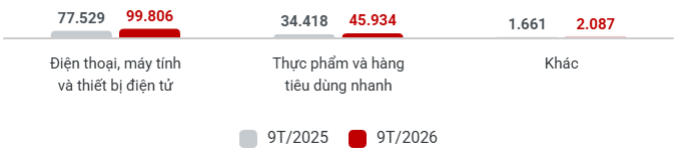
Thuyết minh bộ phận cho thấy cả hai lĩnh vực đều tăng trưởng hai chữ số và đều cải thiện biên lợi nhuận gộp, nhưng mức cải thiện tập trung ở lĩnh vực điện thoại, máy tính và thiết bị điện tử.

Lĩnh vực · 9 tháng (tỷ đồng)	Doanh thu 2026	Doanh thu 2025	%YoY	Biên gộp 2026	Biên gộp 2025	Thay đổi
Điện thoại, máy tính và thiết bị điện tử	**99.806**	**77.529**	**+28,7**	**20,0%**	**17,4%**	**+2,7 điểm %**
Thực phẩm và hàng tiêu dùng nhanh	45.934	34.418	+33,5	24,7%	24,0%	+0,7 điểm %
Khác	2.087	1.661	+25,6	28,4%	30,8%	−2,4 điểm %
Tổng cộng	**147.827**	**113.607**	**+30,1**	**21,6%**	**19,6%**	**+2,0 điểm %**

- **Lĩnh vực điện thoại và điện tử là nguồn cải thiện lợi nhuận chính** — doanh thu 99.806 tỷ, chiếm 67,5% tổng doanh thu, với biên lợi nhuận gộp lên 20,0% từ 17,4%. Riêng 2,7 điểm % này tương đương khoảng 2.700 tỷ lợi nhuận gộp tăng thêm.
- **Chuỗi thực phẩm và hàng tiêu dùng tăng trưởng nhanh hơn nhưng biên ổn định** — doanh thu 45.934 tỷ, tăng 33,5%, biên gộp 24,7% so với 24,0%. Theo doanh nghiệp công bố, nhóm cửa hàng mở mới trong năm 2026 đã có lợi nhuận hoạt động dương ở cấp độ cửa hàng sau khi tính cả khấu hao và chi phí kho vận.
- **Hai chuỗi lớn tăng trưởng theo hai cách khác nhau** — nhóm Điện Máy Xanh giữ nguyên quy mô mạng lưới và tăng nhờ hiệu suất cửa hàng hiện hữu, với doanh thu trên cùng cửa hàng tăng 30% và doanh thu mua trả chậm tăng 50%, chiếm 38% doanh thu của nhóm. Bách Hóa Xanh tăng trưởng từ cả hiệu suất lẫn mở rộng mạng lưới. Tổng số điểm bán toàn tập đoàn là 7.777, gồm 3.340 Điện Máy Xanh (đã tính Erablue), 3.904 Bách Hóa Xanh, 438 An Khang và 95 AvaKids.
- **Đánh giá:** nhóm Điện Máy Xanh tăng doanh thu mà gần như không mở thêm cửa hàng, nên chi phí vận hành không tăng tương ứng và lợi nhuận tăng nhanh hơn doanh thu. Chỉ tiêu cần theo dõi là biên lợi nhuận gộp của lĩnh vực điện thoại và điện tử, nơi tạo ra gần như toàn bộ mức cải thiện lợi nhuận năm nay.

Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

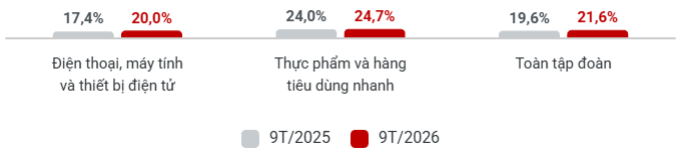
Tỷ đồng · lũy kế 9 tháng



Nguồn: Thuyết minh bộ phận, BCTC hợp nhất MWG

Biên lợi nhuận gộp theo lĩnh vực

% · lũy kế 9 tháng



Nguồn: Thuyết minh bộ phận, BCTC hợp nhất MWG

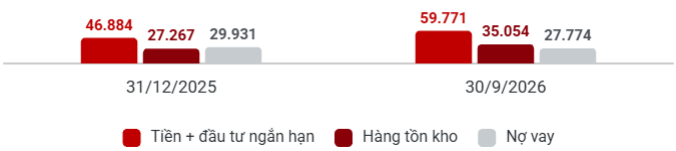
3.2. Bảng cân đối & dòng tiền

Cuối Quý 3/2026, tổng tài sản đạt **107.392 tỷ đồng**, tăng từ 83.946 tỷ cuối năm 2025. Phần tăng đến từ tiền gửi và hàng tồn kho, được tài trợ bằng lợi nhuận giữ lại và tiền thu từ đợt chào bán cổ phần của Điện Máy Xanh.

- **Tiền ròng tăng lên 35.261 tỷ** — tiền và tiền gửi các kỳ hạn đạt 63.035 tỷ so với 49.649 tỷ cuối năm 2025, trong khi nợ vay giảm từ 29.931 tỷ xuống 27.774 tỷ và toàn bộ là nợ ngắn hạn. Riêng doanh thu hoạt động tài chính 9 tháng từ nguồn tiền này là 2.978 tỷ, bằng 25,7% lợi nhuận trước thuế.
- **Hàng tồn kho tăng 7.787 tỷ từ đầu năm** — đạt 35.054 tỷ, tương ứng khoảng 83 ngày giá vốn nếu tính trên số dư cuối kỳ. Mức tăng này chuẩn bị cho mùa cao điểm và chu kỳ sản phẩm mới của Quý 4, nhưng cũng là nguyên nhân chính khiến dòng tiền kinh doanh thấp hơn lợi nhuận.
- **Dòng tiền kinh doanh 9 tháng còn 3.044 tỷ** — giảm từ 6.708 tỷ cùng kỳ, dù lợi nhuận trước thuế tăng gần gấp đôi. Chênh lệch nằm ở vốn lưu động: hàng tồn kho làm giảm 7.953 tỷ và các khoản phải thu làm giảm 1.721 tỷ, chỉ được bù một phần bởi các khoản phải trả tăng 4.795 tỷ.
- **Vốn chủ sở hữu tăng 19.219 tỷ** — lên 52.395 tỷ, trong đó lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng từ 576 tỷ lên 5.181 tỷ sau đợt chào bán cổ phần của Điện Máy Xanh. Doanh nghiệp đã chi trả 2.188 tỷ cổ tức trong 9 tháng và còn 1.461 tỷ cổ tức phải trả tại cuối quý.

Tiền gửi, tồn kho và nợ vay

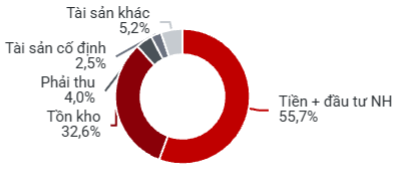
Tỷ đồng · tiền gửi gồm cả kỳ hạn dài



Nguồn: BCTC hợp nhất MWG, TCBS Research

Cơ cấu tổng tài sản — Q3/2026

Tỷ đồng · tổng 107.392 tỷ



Nguồn: BCTC hợp nhất MWG, TCBS Research

3.3. Khả năng sinh lời & định giá

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu trượt 4 quý đạt **28,4%**, với biên lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 9 tháng ở mức 6,2% so với 4,4% cùng kỳ. Cổ phiếu đang giao dịch ở **P/E 9,6 lần và P/B 2,3 lần** tại giá đóng cửa 72.400 đồng ngày 2/11/2026, EV/EBITDA 9,9 lần và tỷ suất cổ tức 2,3%.

- **Lợi nhuận 4 quý gần nhất đạt 11.180 tỷ** — tương ứng lãi trên mỗi cổ phiếu 7.576 đồng trên 1.475,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành. Doanh thu 4 quý gần nhất là 190.148 tỷ, so với 155.928 tỷ của cả năm 2025.
- **Lãi trên mỗi cổ phiếu sẽ tăng chậm hơn lợi nhuận hợp nhất** — mức 7.576 đồng của 4 quý gần nhất vẫn gồm giai đoạn trước khi Điện Máy Xanh chào bán cổ phần. Từ Quý 4/2026, phần lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát ở mặt bằng cao hơn.
- **Room nước ngoài đã kín** — tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài ở mức 49,0%, đúng bằng giới hạn tối đa của doanh nghiệp, và đã chạm trần từ tháng 8/2026. Nhà đầu tư nước ngoài muốn tăng tỷ trọng chỉ có thể mua lại từ nhà đầu tư nước ngoài khác.
- **Chính sách chi trả** — doanh nghiệp đã chi 2.188 tỷ cổ tức trong 9 tháng, tăng từ 1.481 tỷ cùng kỳ, và còn 1.461 tỷ cổ tức phải trả tại cuối Quý 3.
- **Đánh giá:** kết quả 9 tháng cho thấy biên gộp mở rộng trong khi chi phí vận hành đi ngang theo tỷ trọng doanh thu, nên lợi nhuận tăng nhanh hơn doanh thu. Hai chỉ tiêu cần theo dõi trong Quý 4 là biên lợi nhuận gộp của lĩnh vực điện thoại và điện tử, và tốc độ giải phóng hàng tồn kho tích lũy trong Quý 3. **TCBS Research giữ đánh giá khả quan với kết quả kinh doanh năm 2026 của MWG, dựa trên biên lợi nhuận gộp mở rộng ở cả hai lĩnh vực trong khi chi phí vận hành đi ngang, và Quý 4 là mùa cao điểm; nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu.**

Phụ lục — Số liệu BCTC Quý 3/2026

Trích lược bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	30/9/2026	31/12/2025	Thay đổi
Tiền và tương đương tiền	6.456	5.000	+1.456
Đầu tư nắm giữ đến đáo hạn — ngắn hạn	53.315	41.884	+11.431
Đầu tư nắm giữ đến đáo hạn — dài hạn	3.264	2.765	+499
Phải thu ngắn hạn	3.800	2.173	+1.627
Hàng tồn kho	**35.054**	**27.267**	**+7.787**
Tài sản cố định	2.676	2.598	+78
TỔNG TÀI SẢN	**107.392**	**83.946**	**+23.446**
Phải trả người bán ngắn hạn	16.198	13.114	+3.084
Nợ vay ngắn hạn	27.774	29.931	−2.157
Nợ vay dài hạn	—	—	—
Tổng nợ phải trả	54.997	50.770	+4.227
Vốn chủ sở hữu	**52.395**	**33.176**	**+19.219**
— lợi ích cổ đông không kiểm soát	5.181	576	+4.605

Lưu chuyển tiền tệ 9 tháng (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	9T/2026	9T/2025	Thay đổi
Lợi nhuận trước thuế	11.600	6.135	+5.465
Khấu hao tài sản cố định	1.089	1.458	−369
Thay đổi hàng tồn kho	(7.953)	(1.977)	−5.976
Thay đổi các khoản phải trả	4.795	4.674	+121
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	**3.044**	**6.708**	**−3.664**
Chi mua sắm tài sản cố định	(1.216)	(539)	−677
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	(10.478)	(6.236)	−4.242
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	13.235	174	+13.061
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(2.188)	(1.481)	−707
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	**8.890**	**142**	**+8.748**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**6.456**	**5.511**	**+945**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 3/2026 của MWG, phê duyệt ngày 28/10/2026, chưa kiểm toán. Số liệu cửa hàng, doanh thu trên cùng cửa hàng và doanh thu từng chuỗi theo bản tin cập nhật tình hình kinh doanh 9 tháng 2026 do MWG công bố.

Phụ lục — Mô hình tài chính & dự phóng 2021–2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các chỉ tiêu tỷ lệ, lần, %, số ngày) · Cột 2026–2030 là số liệu dự phóng

	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS RESEARCH				
Chỉ tiêu	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**	**2026**	**2027**	**2028**	**2029**	**2030**
Số lượng cổ phiếu (triệu)	713	1.464	1.463	1.462	1.470	1.470	1.470	1.470	1.470	1.470
P/E (lần)	**19,1**	**14,5**	**358,0**	**23,2**	**18,0**	**9,6**	**9,1**	**8,5**	**8,1**	**7,5**
EPS (đồng/cp)	3.320	2.778	114	2.522	4.766	7.573	7.947	8.515	8.948	9.629
P/B (lần)	**4,6**	**2,5**	**2,6**	**3,1**	**3,9**	**2,7**	**2,3**	**2,0**	**1,7**	**1,5**
BVPS (đồng/cp)	13.801	16.208	15.820	18.810	22.091	26.635	31.403	36.512	41.881	47.658
EV/EBITDA (lần)	14,1	7,2	26,6	14,9	16,6	10,6	9,7	9,2	8,8	8,3
ROE	**24%**	**19%**	**1%**	**15%**	**23%**	**31%**	**27%**	**25%**	**23%**	**22%**
Biên lợi nhuận gộp	22%	23%	19%	20%	20%	22%	22%	22%	22%	22%
Biên lợi nhuận hoạt động	5%	5%	0%	3%	5%	6%	6%	6%	6%	6%
Biên lợi nhuận ròng	**4%**	**3%**	**0%**	**3%**	**5%**	**6%**	**6%**	**6%**	**6%**	**6%**
Doanh thu / Tài sản	2,0	2,2	2,0	2,1	2,0	2,1	2,2	2,2	2,2	2,1
(Vay − Tiền) / Vốn CSH	0,3	0,1	0,0	-0,2	-0,3	-0,2	-0,3	-0,2	-0,3	-0,4
EBIT / Lãi vay (lần)	8,7	4,9	0,3	3,6	4,8	7,1	8,4	10,5	11,1	11,6
Vay / EBITDA (lần)	2,8	2,0	5,5	3,7	3,2	2,2	1,8	1,6	1,5	1,4
Số ngày phải thu	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Số ngày tồn kho	112	98	91	75	72	80	88	90	90	90
Capex / Tài sản cố định	52%	46%	6%	6%	29%	46%	49%	72%	96%	147%
Doanh thu thuần	**122.958**	**133.405**	**118.280**	**134.341**	**155.928**	**187.114**	**205.825**	**216.116**	**226.922**	**238.268**
Tăng trưởng doanh thu	*—*	*8%*	*-11%*	*14%*	*16%*	*20%*	*10%*	*5%*	*5%*	*5%*
EBITDA	8.815	10.185	3.788	6.997	8.966	12.926	14.153	14.865	15.616	16.403
Lợi nhuận sau thuế	**4.899**	**4.100**	**168**	**3.722**	**7.034**	**11.175**	**11.728**	**12.565**	**13.205**	**14.209**
Tăng trưởng lợi nhuận	*—*	*-16%*	*-96%*	*2.120%*	*89%*	*59%*	*5%*	*7%*	*5%*	*8%*
Tiền & đầu tư ngắn hạn	18.379	15.130	24.303	34.222	38.874	35.444	35.196	36.941	43.492	50.622
Phải thu khách hàng	384	178	308	241	253	304	334	351	369	387
Hàng tồn kho	29.167	25.696	21.824	22.245	27.267	37.121	40.833	42.875	45.018	47.269
Tổng tài sản	**62.971**	**55.834**	**60.111**	**70.438**	**83.946**	**92.295**	**96.632**	**100.788**	**109.854**	**119.580**
Vay ngắn hạn	24.647	10.688	19.129	27.300	29.931	27.917	23.459	23.459	23.459	23.459
Vay dài hạn	0	5.901	5.985	0	0	0	0	0	0	0
Tổng vay	**24.647**	**16.589**	**25.114**	**27.300**	**29.931**	**27.917**	**23.459**	**23.459**	**23.459**	**23.459**
Tổng nợ phải trả	42.593	31.902	36.752	42.316	50.770	52.414	49.714	46.331	47.474	48.675
Vốn chủ sở hữu	**20.378**	**23.933**	**23.360**	**28.122**	**33.176**	**39.881**	**46.918**	**54.457**	**62.380**	**70.905**
Cân đối vốn trung dài hạn	9.362	18.577	21.185	23.520	26.432	33.424	40.916	48.814	57.133	66.117
Dòng tiền tự do (FCF)	**-3.612**	**5.082**	**5.989**	**10.477**	**8.951**	**4.437**	**10.175**	**7.869**	**12.933**	**13.916**

Nguồn: BCTC hợp nhất MWG (cột thực hiện) và mô hình dự phóng của TCBS Research, cập nhật ngày 14/10/2026 (cột dự phóng). P/E, P/B và EV/EBITDA tính trên thị giá ngày 2/11/2026. Dự phóng chưa phản ánh kết quả Quý 3/2026 công bố ngày 28/10/2026.

© **Techcom Securities** | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội | Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

*Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.*

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.